

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/DS-ST
Ngày 08-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Mỹ Diệu;

Bà Thị AMiNa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2012/TLST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2012 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quý tín dụng Nhân dân Công ty T;

Địa chỉ: Đường 785, ấp T, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 280/GUQ, ký ngày 18-10-2016) có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông R, sinh năm 1936;

2. Chị P, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp K, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (ông P, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Chác Kha M, sinh năm 1946; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp K, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp Đ, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

3. Bà Lâm N, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp K, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2012; đơn khởi kiện bổ sung ngày 24 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chi Đổ Thị Thu H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông R có ký kết Hợp đồng tín dụng số 285/2007/HĐTD, ngày 23-3-2007 với Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T (gọi tắt là Quỹ tín dụng). Nội dung hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận như:

- Số tiền vay gốc: 25.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Mua xe gắn máy và sửa nhà.
- Thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày 23-3-2007 đến ngày 23-3-2010.

- Lãi suất cho vay trong hạn: 1,35%/tháng, tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng hoặc tại thời điểm phát sinh tiền vay (nếu cho vay theo hạn mức tín dụng); trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và thỏa thuận của hai bên.

- Lãi suất nợ quá hạn: 2,025%/tháng. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh.

- Phương thức trả nợ gốc: Thanh toán nợ gốc vào ngày 23-3-2010.

- Phương thức trả lãi vay: Thanh toán theo định kỳ hàng quý.

Tài sản để đảm bảo cho nợ vay: Ông R và chị P có thể chấp Quyền sử dụng đất diện tích 10.299 m², tờ bản đồ số 15 thửa đất số 12, 74 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00236 QSDĐ/324/QĐ-UB(HL) được UBND huyện T cấp ngày 16-8-2001 do ông R đứng tên đăng ký sử dụng, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/HĐTC, ngày 23-3-2007. Việc thế chấp được UBND xã T chứng thực và có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Châu theo đúng quy định của pháp luật.

Từ khi ký kết hợp đồng tín dụng ông R có trả cho Quỹ tín dụng được tiền vay gốc 10.500.000 đồng và tiền lãi suất 8.022.100 đồng, sau đó không tiếp tục trả tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi suất cho đến nay.

Do ông R đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nên Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T yêu cầu ông R và chị P có nghĩa vụ trả tiền vay gốc 14.500.000 đồng và tiền lãi suất trong hạn đến ngày 23-3-2010; lãi quá hạn từ ngày 24-3-2010 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08-11-2018), thành tiền 34.101.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi suất 48.601.500 đồng; ngoài ra yêu cầu ông R và chị P phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 285/2007/HĐTD, ngày 23-3-2007 cho đến khi trả xong tiền vay gốc.

Đối với tài sản thế chấp để đảm bảo cho tiền vay yêu cầu Tòa án xử lý như sau: Sau khi ông R và chị P trả tất nợ cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng có trách nhiệm trả lại cho ông R và chị P Quyền sử dụng đất diện tích 10.299 m², tờ bản đồ số 15, thửa đất số 12, 74 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00236 QSDĐ/324/QĐ-UB(HL) được UBND huyện Tân Châu cấp ngày 16-8-2001 do ông R đứng tên đăng ký sử dụng. Nếu ông R và chị P không trả được số tiền trên cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng có quyền phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông R có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Vào khoảng năm 2007 ông có nhờ bà Lâm N hướng dẫn làm thủ tục vay vốn và có ký hợp đồng tín dụng số 285/2007/HĐTD, ngày 23-3-2007 với Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T để vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích ông vay tiền là để trồng mì. Khi vay tiền ông có đến Quỹ tín dụng lặn dấu vân tay vào hợp đồng tín dụng, nhưng do ông không biết chữ nên không có đọc hợp đồng và cũng không có ai đọc lại hợp đồng cho ông nghe.

Để đảm bảo cho số tiền vay trên ông có thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 10.299 m², tờ bản đồ số 15, thửa đất số 12, 74 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00236..QSDĐ/324/QĐ-UB(HL) được UBND huyện T cấp ngày 16-8-2001 do ông đứng tên đăng ký sử dụng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất được thực hiện tại nhà bà N và có mặt bà H chứng kiến. Trong hợp đồng thế chấp tài sản có tên và dấu vân tay của con ông là chị P là không đúng, tất cả mọi giao dịch đều do một mình ông thực hiện chứ không liên quan đến con ông, tại thời điểm thế chấp vợ ông là bà Chác Kha M vẫn còn sống.

Sau khi làm xong thủ tục ông nhận 15.000.000 đồng từ bà N chứ không nhận tại Quỹ tín dụng, sau khi nhận tiền ông cho bà N 800.000 đồng tiền công. Khi đến hạn trả tiền nợ gốc và tiền lãi suất thì bà N là người đi thu tiền này; ông có trả cho bà N 5.000.000 đồng tiền gốc, nhưng bà N không có ghi biên lai thu cho ông nên ông không nhớ trả ngày, tháng, năm nào, sau đó ông không biết vì sau Quỹ tín dụng không cho bà N thu tiền nữa nên ông cùng các hộ vay chung đến trực tiếp Quỹ tín dụng để trả số tiền gốc và lãi các lần cụ thể: Ngày 25-5-2009 trả gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi 1.588.500 đồng; ngày 27-10-2009 trả gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi suất 1.788.800 đồng, ngoài ra không trả thêm số tiền nào nữa cả.

Như vậy, tổng cộng ông đã trả cho Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi suất 1.788.800 đồng. Nay Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 285/07/HĐTD, ngày 23-3-2007 cho rằng ông và chị P còn nợ lại tiền gốc là 14.500.000 đồng và tiền lãi tiền đến ngày 13-11-2016 là 27.005.600 đồng, tổng cộng 41.505.600 đồng thì ông không đồng ý, vì ông chỉ vay 15.000.000 đồng và đã trả xong số tiền nợ gốc và tiền lãi suất cho Quỹ tín dụng nên hiện nay ông không còn nợ Quỹ tín dụng số tiền nào nữa cả. Từ khi ông trả xong nợ cho Quỹ tín dụng nhưng Quỹ tín dụng chưa trả cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp, do đó ông yêu cầu Quỹ tín

dụng phải trả lại cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Quỹ tín dụng để đảm bảo số tiền vay.

Bị đơn chị P có ý kiến: Chị là con ruột của ông R và bà Chác Kha M. Chị không có tham giao dịch gì với Quỹ tín dụng cả, mọi giao dịch vay vốn tại Quỹ tín dụng do một mình ông R trực tiếp giao dịch; tài sản mà ông R thế chấp cho Quỹ tín dụng là tài sản chung của ông R và bà Chác Kha M, chữ viết và dấu vân tay trong hợp đồng thế chấp do Quỹ tín dụng cung cấp không phải do chị lăn dấu vân tay. Nay Quỹ tín dụng yêu cầu chị và ông R trả số tiền vay gốc và lãi suất tổng cộng 41.505.600 đồng thì chị không đồng ý, vì chị không liên quan đến việc vay vốn này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Chác Kha M có ý kiến:* Bà là vợ ông R và là mẹ của chị P, tại thời điểm ông R ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Quỹ tín dụng thì bà vẫn sống chung với ông R; Quyền sử dụng đất diện tích diện tích 10.299 m², tờ bản đồ số 15, thửa đất số 12, 74 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00236 QSDD/324/QĐ-UB(HL) được UBND huyện Tân Châu cấp ngày 16-8-2001 do ông R đứng tên đăng ký sử dụng là tài sản chung của bà và ông R, tuy nhiên khi ký hợp đồng thế chấp tài sản trên không có ý kiến của bà nên nay bà không đồng ý yêu cầu của Quỹ tín dụng.

- *Bà Lâm N có ý kiến:* Khoảng tháng 3-2007, người tên Tuấn là nhân viên của doanh nghiệp tư nhân Sơn Thành Tân (gọi là Doanh nghiệp) đến gặp bà và nhờ thông báo cho các hộ người dân tộc nào cần vay tiền để mua xe, sửa nhà thì giới thiệu để Tuấn làm thủ tục, bà đã giới thiệu cho hộ ông R và một số hộ dân khác mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến để làm thủ tục vay tiền. Anh Tuấn mang hồ sơ đến tại nhà bà để các hộ vay đến lăn dấu vân tay và mang hồ sơ đến UBND xã Tân Đông chứng thực, khoảng 10 ngày sau anh Tuấn thông báo cho bà và bà H đưa các hộ vay là người dân tộc và người kinh đến Quỹ tín dụng làm thủ tục nhận tiền, nhưng sau khi ông R cùng các hộ vay lăn dấu vân tay xong tại Quỹ tín dụng thì ra về chứ không nhận tiền vì chưa có tiền.

Sau đó khoảng 02 ngày ông Thành là chủ doanh nghiệp Sơn Thành Tân (doanh nghiệp không còn hoạt động, chủ doanh nghiệp đã chết) thông báo cho bà và bà H đến nhận tiền từ ông Thành, số tiền ông Thành giao bao nhiêu bà không nhớ và cũng không làm giấy biên nhận. Hộ vay 15.000.000 đồng phải trả tiền công đi làm hồ sơ cho nhân viên của Doanh nghiệp 800.000 đồng và 50.000 đồng làm thẻ thành viên vay vốn nên hộ ông R đến nhà bà nhận được số tiền 14.150.000 đồng. Khi đến hạn trả lãi suất bà có đến nhà ông R thu tiền lãi suất (số tiền bao nhiêu bà không nhớ) nhưng bà không trực tiếp đi trả tiền lãi mà giao lại cho bà H đi nộp thay, còn bà H có nộp không bà không biết; đối với số tiền nợ gốc do bà H thu và nộp cho Quỹ tín dụng, chứ bà không trực tiếp thu tiền nợ gốc của các hộ vay.

- *Bà Dương Thị H có ý kiến:* Khoảng tháng 3-2007, bà có giới thiệu một số hộ người kinh đến Doanh nghiệp Sơn Thành Tân để vay tiền mua xe. Trước khi đến Quỹ tín dụng vay tiền, thì người tên Tuấn là nhân viên của Doanh nghiệp

mang hồ sơ đến nhà bà N cho các hộ vay là người dân tộc lãn dấu vân tay, còn các hộ người kinh đến lãn dấu vân tay vào hồ sơ tại nhà bà, tất cả hợp đồng vay vốn sau đó anh Tuấn mang đến UBND xã T chứng thực. Khoảng 10 ngày sau, anh Tuấn thông báo cho bà và bà N đưa những người có hồ sơ vay tiền đến Quỹ tín dụng làm thủ tục nhận tiền, nhưng sau khi các hộ vay lãn dấu vân tay xong thì ra về, còn người tên Tuấn ở lại nhận tiền, khoảng 02 ngày sau ông Thành thông báo cho bà và bà N đến Doanh nghiệp nhận tiền cho các hộ vay. Trước khi giao tiền, đối với hộ vay 15.000.000 đồng thì Tuấn trừ tiền công đi làm hồ sơ 800.000 đồng và 50.000 đồng làm thẻ thành viên vay vốn nên hộ ông R chỉ nhận được số tiền vay 14.150.000 đồng. Sau khi vay tiền, hộ ông R có trực tiếp giao cho bà N 5.000.000 đồng để trả tiền vay gốc và lãi suất cho Quỹ tín dụng, lúc này có mặt bà và bà cùng bà N đến trả cho Quỹ tín dụng nhưng Quỹ tín dụng trừ vào tiền lãi suất.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T với ông R thống nhất là ông có ký Hợp đồng tín dụng số 285/07/HĐTD, ngày 23-3-2007 là đúng, nhưng ông R thừa nhận ông chỉ vay số tiền 15.000.000 đồng chứ không vay số tiền 25.000.000 đồng như đã ghi trong hợp đồng tín dụng. Quỹ tín dụng cũng thừa nhận có sai sót trong quá trình cho vay và hiện nay ông R có trả cho Quỹ tín dụng số tiền gốc và lãi suất 18.522.100 đồng, như vậy ông R đã trả đủ số tiền đã nhận 15.000.000 đồng và tiền lãi suất nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng. Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 121, Điều 132, Điều 135, Điều 137, Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 285/07/HĐTD, ngày 23-3-2007 vô hiệu một phần do bị lừa dối đối với số tiền 10.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T đối với số tiền 48.601.500 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông R, chị P là bị đơn; bà Chác Kha M, bà Dương Thị H, bà Lâm N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng

có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông R, chị P, bà Chác Kha M, bà Dương Thị H, bà Lâm N.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, ngày 23-3-2007 giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T và ông R có thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 285/07/HĐTD, theo hợp đồng thì ông R vay số tiền 25.000.000 đồng; mục đích vay mua xe gắn máy và sửa nhà; thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày từ ngày 23-3-2007 đến ngày 23-3-2010; trong hợp đồng hai bên còn có thỏa thuận lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn, thời gian thanh toán nợ gốc và phương thức trả lãi suất; do không biết chữ nên ông R lấn dấu vân tay vào hợp đồng.

Tài sản để đảm bảo cho nợ vay: Ông R và chị P có thể chấp Quyền sử dụng đất diện tích 10.299 m², tờ bản đồ số 15, thửa đất số 12, 74 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00236 QSDĐ/324/QĐ-UB(HL) được UBND huyện T cấp ngày 16-8-2001 do ông R đứng tên đăng ký sử dụng; đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/HĐTC, ngày 23-3-2007. Việc thế chấp được UBND xã T chứng thực và có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Châu theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T yêu cầu ông R và chị P trả số tiền vay còn nợ 14.500.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 2,025%/tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08-11-2018) là 34.101.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi suất 48.601.500 đồng và tiếp tục trả tiền lãi suất theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm năm 2007, Quỹ tín dụng khi tiến hành thủ tục cho khách hàng vay vốn đã thực hiện không đúng theo Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT, ngày 23-02-2005 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T như “Người trực tiếp giao dịch với khách hàng khi làm thủ tục vay không PH là cán bộ tín dụng của Quỹ tín dụng; không xác định nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền vay trong hợp đồng và số tiền khách hàng thực nhận khác nhau, do không biết chữ, nhưng trước khi lấn dấu vân tay vào hợp đồng không được ai đọc lại nội dung; người không vay tiền nhưng được nhận tiền tại kho quỹ của Quỹ tín dụng, còn khách hàng nhận tiền vay tại nhà bà Lâm N và bà Dương Thị H; các hợp đồng tín dụng đều có mức tiền vay từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, nhưng không có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh v.v”.

Tại Kết luận thanh tra số 36/KL-TNI₅, ngày 19-01-2009 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tây Ninh kết luận (BL số 175): “Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T thực hiện cho vay 03 đợt đối với 31 hộ dân tộc Khmer số tiền vay 705.000.000 đồng không đúng quy trình cho vay, thông qua người môi giới để người môi giới chiếm dụng vốn vay của khách hàng. Do các hộ vay không biết chữ và không nói thông thạo tiếng Việt nên thông qua 02 người môi giới (phiên dịch) tạo điều kiện cho 02 người môi giới lợi dụng chiếm dụng vốn vay của các hộ dân tộc 504.000.000 đồng, Giám đốc chỉ đạo kế toán và thủ quỹ lập thu khống số tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn số tiền 379.000.000 đồng bằng với số tiền giải ngân nhận nợ cho 18 hộ vay vốn (trong đó 13 hộ dân tộc) để mua xe tại DNTN Sơn Thành

Tân, sửa nhà nhưng thực tế người vay chỉ ký nhận trên phiếu chi không nhận tiền vay tại Quỹ. Khi người vay nhận tiền tại DNTN Sơn Thành Tân thông qua người môi giới, 02 đối tượng môi giới chiếm dụng một phần vốn vay, người môi giới thu tiền phí quan hệ và hồ sơ vay vốn mỗi hộ từ 500.000 đồng đến 800.000 đồng”. Do đó, theo Kết luận thanh tra chỉ ra “Điều hành của Giám đốc còn bộc lộ một số sai phạm nghiêm trọng trong quản lý như: Chỉ đạo cán bộ nghiệp vụ làm sai quy định, không báo cáo kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh, che dấu các tồn tại, sai sót...đặc biệt là chỉ đạo cán bộ nghiệp vụ làm sai quy định tạo điều kiện cho một số đối tượng bên ngoài vay mượn chiếm dụng, lừa đảo khách hàng vay vốn tại Quỹ”.

Cũng tại bảng kê chi tiết các hộ vay bị chiếm dụng (BL số 118); Công văn số 190/CV-QTD, ngày 11-10-2011 (BL số 128); Công văn số 143/CV-QTD, ngày 07-7-2014 (BL số 192) Quỹ tín dụng thừa nhận các hộ vay người dân tộc, người kinh bị chiếm dụng vốn, trong đó hộ ông R theo hợp đồng tín dụng vay 25.000.000 đồng, nhưng thực nhận 15.000.000 đồng, bị chiếm dụng 10.000.000 đồng, ông R đã trả được số tiền 18.522.100 đồng (gốc 10.500.000 đồng, tiền lãi 8.022.100 đồng) và tại các biên bản giải quyết tại Công an xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh ngày 11-5-2010 và ngày 04-8-2010 (BL số 148, 150, 151) bà Dương Thị H và bà Lâm N cũng thừa nhận chiếm dụng số tiền của 23 hộ vay vốn là người dân tộc, người kinh tại Quỹ tín dụng số tiền 383.500.000 đồng, trong đó số tiền bà H chiếm dụng 237.000.000 đồng, bà Lâm N chiếm dụng 146.500.000 đồng.

[4] Từ những chứng cứ trên cho thấy, Hợp đồng tín dụng số 285/2007/HĐTD, ngày 23-3-2007 ký kết giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T với ông R là vô hiệu do bị lừa dối, vì theo Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “*Lừa dối trong giao dịch là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó*”. Do đó giao dịch giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T với ông R là bị vô hiệu ngay từ khi xác lập hợp đồng là ngày 23-3-2007 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, khôi phục lại tình trạng ban đầu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Như vậy ông R đã nhận số tiền 15.000.000 đồng từ nguồn tiền của Quỹ tín dụng nên có trách nhiệm trả lại số tiền này cho Quỹ tín dụng, nhưng theo phiếu thu mà Quỹ tín dụng cung cấp đã xác định hộ ông R đã trả được số tiền 18.522.100 đồng (trong đó trả tiền gốc 10.500.000 đồng, tiền lãi 8.022.100 đồng) nhiều hơn số tiền đã nhận là 3.522.100 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông R không yêu cầu trả lại số tiền 3.522.100 đồng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/2007/HĐTC, ngày 23 tháng 3 năm 2007 giữa Quỹ tín dụng với ông R và chị P, thấy rằng: Để đảm bảo cho số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 285/2007/HĐTD, ngày 23 tháng 3 năm 2007 thì ông R và chị P đã thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 10.299 m², tờ bản đồ số 15 thửa đất số 12, 74 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00236 QSDĐ/324/QĐ-UB(HL) được UBND huyện T cấp ngày 16-8-2001 do ông R đứng tên đăng ký sử dụng, đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh

Tây Ninh; qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất trên thửa đất số 12 (thửa đất mới 509), có diện tích 8.284,3 m² và thửa đất số 74 (thửa đất mới 594), có diện tích 2.135,2 m², thuộc tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ mới 40); trên đất có các tài sản khác như nhà và cây cao su do ông R và bà Chác Kha M đang quản lý, sử dụng. Khi thế chấp tài sản trên giữa Quỹ tín dụng với ông R và chị P có lập văn bản thế chấp được UBND xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh chứng thực và đăng ký thế chấp đúng theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP, tuy nhiên tài sản thế chấp này thuộc quyền sở hữu chung của ông R và bà Chác Kha M nhưng theo hợp đồng thế chấp chỉ có ông R và chị P ký tên thế chấp là trái với quy định của pháp luật nên Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/2007/HĐTC, ngày 23 tháng 3 năm 2007 giữa Quỹ tín dụng với ông R, chị P vô hiệu từ khi xác lập hợp đồng. Do đó Quỹ tín dụng có trách nhiệm trả cho ông R 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00236 QSDĐ/324/QĐ-UB(HL), diện tích 10.299 m², tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ mới 40), thửa đất số 12 (thửa mới 509), 74 (thửa mới 594) được UBND huyện T cấp ngày 16-8-2001 do ông R đứng tên đăng ký sử dụng.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T đối với ông R và chị P về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với số tiền vay gốc 14.500.000 đồng và tiền lãi suất 34.101.500 đồng, tổng cộng 48.601.500 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng:

[6.1] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T pH chịu 500.000 đồng theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ghi nhận Quỹ tín dụng đã nộp xong theo biên bản giao nhận ngày 28-8-2018.

[6.2] Chi phí phiên dịch: Ghi nhận đã được xử lý xong tại Bản án số 94/2018/DS-ST, ngày 26-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 121, Điều 122, Điều 132, Điều 137, Điều 355, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 285/2007/HĐTD, ngày 23-3-2007 ký kết giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T với ông R là vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T đối với ông R và chị P về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với số tiền vay gốc 14.500.000 đồng và tiền lãi suất 34.101.500 đồng, tổng cộng 48.601.500 (bốn mươi tám triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, năm trăm) đồng.

Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T có trách nhiệm trả cho ông R 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00236 QSDĐ/324/QĐ-UB(HL), diện tích 10.299 m², tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ mới 40), thửa đất số 12 (thửa mới 509), 74 (thửa mới 594) được UBND huyện T cấp ngày 16-8-2001 do ông R đứng tên đăng ký sử dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T phải chịu 500.000 đồng. Ghi nhận Quỹ tín dụng đã nộp xong theo biên bản giao nhận ngày 28-8-2018.

- Chi phí phiên dịch: Ghi nhận đã được xử lý xong tại Bản án số 94/2018/DS-ST, ngày 26-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T phải chịu 2.430.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng 1.037.000 đồng tại biên lai thu số 0008659 ngày 04 tháng 4 năm 2012 và biên lai thu số 0023982 ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T còn phải nộp thêm 1.393.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông R, chị P, bà Chác Kha M, bà Lâm N, bà Dương Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc

